

Số: 1409 /QĐ-UBND

Sơn La, ngày 13 tháng 06 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố chuẩn hóa Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/NĐ-CP ngày 6/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 575/TTr-SNNMT ngày 11/6/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này chuẩn hóa Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm

ng nghiệp và Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường, như sau:

1. Chuẩn hóa Danh mục 16 thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp (*11 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết cấp tỉnh; 05 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết cấp huyện*); 16 thủ tục hành chính lĩnh vực Kiểm lâm (*10 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết cấp tỉnh; 05 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết cấp huyện; 01 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết cấp xã*)

2. Phê duyệt 47 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

(có Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm tại Mục XIV, XV Phần A, Phụ lục I; Mục VII, VIII, phần B, Phụ lục I; Mục III Phần C Phụ lục I kèm theo Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 01/4/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La;

2. Bãi bỏ quy trình nội bộ giải quyết TTHC lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm tại các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Quyết định số 290/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 về việc Phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lĩnh vực Bảo vệ thực vật và lĩnh vực Lâm nghiệp; Quyết định số 160/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 về việc công bố Danh mục và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 10/4/2023 về việc công bố, bãi bỏ Danh mục và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quyết định số 542/QĐ-UBND ngày 01/4/2023 về việc công bố, bãi bỏ Danh mục và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 về việc Về việc công bố, bãi bỏ Danh mục và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quyết định số 1622/QĐ-UBND ngày 12/8/2024 về việc Về việc công bố danh mục và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính ban hành mới; sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 12/7/2024 về

việc công bố Danh mục và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính ban hành mới, thay thế lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quyết định số 2415/QĐ-UBND ngày 21/11/2024 về việc công bố Danh mục và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thực hiện công khai Danh mục và nội dung TTHC được công bố kèm theo Quyết định này; xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính và cập nhật trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh theo quy định.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC, Hương (03b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Hồng Minh

PHỤ LỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HOÁ LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM
THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH: 21 TTHC

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC KIỂM LÂM: 10 TTHC				
1	Quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác Mã TTHC: 1.012692	- Trường hợp diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp tỉnh Thời gian giải quyết: 35 ngày - Trường hợp diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành trung Ương quan lý: 48 ngày	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp
2	Quyết định thu hồi rừng đối với tổ chức tự nguyện trả lại	16 ngày	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều

	rừng Mã TTHC: 1.012691		Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích		của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp
3	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức Mã TTHC: 1.012689	17 ngày	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp
4	Quyết định giao rừng cho tổ chức Mã TTHC: 1.012688	26 ngày	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp

5	Phê duyệt phương án sử dụng rừng đối với các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý Mã TTHC: 1.012690	11 ngày làm việc	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp
6	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án tạm sử dụng rừng Mã TTHC: 1.012413	- Trường hợp diện tích rừng tạm sử dụng thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp tỉnh: 9 ngày làm việc - Trường hợp diện tích rừng tạm sử dụng thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các Bộ, ngành chủ quản: 15 ngày làm việc	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	Nghị định số 27/2024/NĐ-CP ngày 06/3/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.
7	Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ Mã TTHC: 3.000160	- Trường hợp không kiểm tra, xác minh: 3,5 ngày làm việc - Trường hợp kiểm tra, xác minh 7,5 ngày làm việc	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Tiếp nhận trực tiếp,	Không	Chương III Nghị định số 102/2020/NĐ-CP; khoản 12, khoản 13, khoản 14, khoản 15, khoản 16, khoản 17, khoản 18 Điều 1 và khoản 8 Điều 2 Nghị định số 120/2024/NĐ-CP

			trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích		
8	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu Mã TTHC: 3.000159	- Trường hợp không kiểm tra, xác minh: 2,5 ngày làm việc - Trường hợp kiểm tra, xác minh: 4,5 ngày làm việc	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	Điều 8, Điều 9 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP; khoản 7, khoản 8, khoản 9 Điều 1 và khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 2 Nghị định số 120/2024/NĐ-CP
9	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác Mã TTHC: 3.000152	Trường hợp diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp tỉnh Thời gian giải quyết: 35 ngày + Trường hợp diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành trung ương quản lý: Thời gian giải quyết 48 ngày	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp

10	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II, III CITES Mã TTHC: 1.004815	- Trường hợp không kiểm tra, xác minh: 03 ngày làm việc - Trường hợp kiểm tra, xác minh 17,5 ngày làm việc	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	- Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ Về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp. - Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.
II	LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP: 11 TTHC				
1	Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của địa phương Mã TTHC: 1.012921	22 ngày	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	- Điều 4, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 Nghị định số 140/2024/NĐ-CP ngày 25/10/2024 của Chính phủ quy định thanh lý rừng trồng - Nghị quyết số 110/2025/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2025 của HĐND tỉnh quy định thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng trên địa bàn tỉnh Sơn La
2	Phê duyệt điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	41,5 ngày	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm	Không	- Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm

	Mã TTHC: 1.012687		phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích		nghịệp
3	Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng Mã TTHC: 1.011470	- Trường hợp không kiểm tra, xác minh: 06 ngày làm việc - Trường hợp kiểm tra, xác minh 7,5 ngày làm việc	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	Thông tư số 26/2022/TT-BNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 22/2023/TT-BNPTNT ngày 15/12/2023
4	Công nhận, công nhận lại nguồn giống cây trồng lâm nghiệp Mã TTHC: 3.000198	13 ngày làm việc	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	+ Công nhận lâm phần tuyển chọn (01 giống): 600.000 đồng. + Công nhận vườn giống: 2.400.000 đồng/vườn giống.	- Thông tư số 22/2021/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống và nguồn giống cây trồng lâm nghiệp; - Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015; - Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực

				+ Bình tuyển, công nhận vườn giống, rừng giống: 7.500.000đ/lần. + Bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng: 3000.000đ/lần.	trồng trọt và giống cây lâm nghiệp; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.
5	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh, thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư. Mã TTHC: 1.007918	12 ngày	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp
6	Phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án tự trồng rừng thay thế Mã TTHC: 1.007917	- Trường hợp không phải kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại thực địa: 22,5 ngày - Trường hợp phải kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại thực địa:	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính	Không	- Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; - Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát

		33,75 ngày	công tỉnh Sơn La - Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích		triển nông thôn quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp; - Điều 2 Thông tư số 24/2024/TT-BNNPTNT ngày 12/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp.
7	Chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế Mã TTHC: 1.007916	- Trường hợp UBND tỉnh bố trí đất để trồng rừng trên địa bàn: 22 - Trường hợp UBND tỉnh không bố trí được đất để trồng rừng trên địa bàn: + Trường hợp chủ dự án không đề nghị nộp ngay số tiền TRTT theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền: 57 ngày + Trường hợp Chủ dự án đề nghị nộp ngay số tiền TRTT theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền: ++ 37 ngày đối với trường hợp số tiền đã nộp theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	- Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; - Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp; - Điều 2 Thông tư số 24/2024/TT-BNNPTNT ngày 12/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp.

		tiền thấp hơn số tiền phải nộp theo đơn giá trồng rừng của tỉnh nơi tiếp nhận TRTT. ++ 42 ngày đối với trường hợp số tiền đã nộp theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền cao hơn số tiền phải nộp theo đơn giá trồng rừng của tỉnh nơi tiếp nhận TRTT.			
8	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý Mã TTHC: 1.000084	34 ngày	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp
9	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ hoặc rừng sản xuất thuộc địa phương quản lý Mã TTHC: 1.000081	34 ngày	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến hoặc qua	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp

			dịch vụ bưu chính công ích		
10	Miễn giảm tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (đối với tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ môi trường rừng nằm trong phạm vi 01 tỉnh) Mã TTHC: 1.000058	10 ngày làm việc	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	- Khoản 2 Điều 74 Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp.
11	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức Mã TTHC: 1.000055	23 ngày	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (khoản 8 Điều 1)

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN: 10 TTHC

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC KIỂM LÂM: 5 TTHC				
1	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên Mã TTHC: 1.000047	- Trường hợp không phải xác minh: 5,5 ngày làm việc - Trường hợp phải xác minh: 07 ngày làm việc Hạt kiểm lâm huyện	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố - Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.
2	Xác nhận bảng kê lâm sản Mã TTHC: 1.000045	Trường hợp không phải xác minh: 01 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh: 04 ngày làm việc	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố - Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.
3	Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng Mã TTHC: 1.012695	15 ngày kể từ ngày UBND cấp huyện nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố - Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.
4	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	15 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng

	Mã TTHC: 1.012694		xã, thành phố - Nộp trực tiếp, trực tuyển hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích		11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp
5	Thủ tục hải quan đối với gỗ nhập khẩu Mã TTHC: 3.000154	Trường hợp không kiểm tra, xác minh: 8 giờ; trường hợp kiểm tra, xác minh: 1,5 ngày	- Chi cục Hải quan Dịch vụ công trực tuyển	20.000 đồng/tờ khai	- Quyết định số 2770/QĐ-BTC ngày 25/12/2015 của Bộ Tài Chính về việc công bố thủ tục hành chính mới/thủ tục hành chính thay thế/thủ tục hành chính bãi bỏ/thủ tục hành chính giữ nguyên trong lĩnh vực Hải quan thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài chính (mã số hồ sơ sơ thủ tục hành chính số 1.0067859 được công khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia); - Điều 7 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam; khoản 7 Điều 1 và khoản 4, khoản 12 Điều 2 Nghị định 120/2024/NĐ
II	LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP: 5 TTHC				
1	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng Mã TTHC: 1.012922	3,5 ngày	- Hạt Kiểm lâm huyện - Nộp trực tiếp	Không	Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 140/2024/NĐ- CP ngày 25/10/2024 của Chính phủ quy định thanh lý rừng trồng
2	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân Mã TTHC: 1.012531	16 ngày	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố - Nộp trực tiếp, trực tuyển hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp

3	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái Mã TTHC: 3.000250	16 ngày làm việc	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố - Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	- Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững. - Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững.
4	Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện Mã TTHC: 1.011471	Trường hợp không kiểm tra, xác minh: 06 ngày làm việc; trường hợp kiểm tra, xác minh 7,5 ngày làm việc	-Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố - Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	- Thông tư số 26/2022/TT-BNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản -Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp (Khoản 4 Điều 2)
5	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư Mã TTHC: 1.007919	12 ngày	-Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố - Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ: 01 TTHC

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC KIỂM LÂM: 1 TTHC				
1	Quyết định giao rừng cho hộ gia đình , cá nhân và cộng đồng dân cư Mã TTHC: 1.012693	37 ngày	- Bộ phận một cửa UBND cấp xã - Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

PHẦN II. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM

A. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN CỦA UBND TỈNH

1. Tên TTHC: Quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

1.1. Trường hợp diện tích điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với các chủ rừng thuộc phạm vi quản lý của tỉnh

- Thời gian giải quyết theo quy định: 35 ngày (*kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ*).

- Quy trình:

Thứ tự các bước	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ	Bộ phận một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường trực tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Scan hồ sơ	1/2 ngày
Bước 2	Xem xét phân công	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Ý kiến phân công	1/2 ngày
Bước 3	Phân công thụ lý	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và phát triển rừng	Ý kiến phân công	1/2 ngày
Bước 4	Thụ lý hồ sơ	Chuyên viên phòng sử dụng và phát triển rừng	- Kiểm tra về nội dung của thành phần hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: tham mưu Văn bản cho Sở trả hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do (<i>03 ngày làm việc</i>); + Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: kiểm tra xác minh về Báo cáo	20 ngày

			hiện trạng rừng, lập Báo cáo thẩm định, văn bản xin ý kiến thẩm định; + dự thảo Tờ trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường trình UBND tỉnh, (kèm dự thảo Quyết định của UBND tỉnh); - Chuyển Lãnh đạo Phòng xem xét.	
Bước 5	Xem xét, duyệt Văn bản trả hồ sơ/Tờ trình của Sở, chuyển Lãnh đạo Chi cục	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và phát triển rừng	Dự thảo văn bản	1/2 ngày
Bước 6	Xem xét, duyệt dự thảo Văn bản trả hồ sơ/Tờ trình của Sở, chuyển Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Ý kiến xét duyệt	1/2 ngày
Bước 7	Phê duyệt Văn bản trả hồ sơ/Tờ trình của Sở, chuyển Văn thư ban hành	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
Bước 8	Phát hành văn bản theo quy định, chuyển Văn phòng UBND tỉnh hồ sơ chuyển liên thông UBND tỉnh;	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường	Văn bản phát hành <i>Dự thảo (Tờ trình UBND tỉnh)</i>	1/2 ngày
Bước 9	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ liên thông	Bộ phận một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Tờ trình, dự thảo Nghị quyết HĐND	1/2 ngày
Bước 10	Liên thông UBND tỉnh			10 ngày
Bước 11	Lấy kết quả liên thông, Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Kết quả liên thông	1 ngày
Tổng thời gian giải quyết				35 ngày

1.2. Trường hợp diện tích điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với các chủ rừng thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ngành, trung ương

Thời gian giải quyết theo quy định: 48 ngày (*kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ*)

- Quy trình:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm HCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Xem xét phân công	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Ý kiến phân công	1/2 ngày
B3	Phân công thụ lý	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	Ý kiến phân công	1/2 ngày
B4	Thụ lý hồ sơ	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	- Kiểm tra, xác minh - Báo cáo kết quả thẩm định - Dự thảo Văn bản (<i>Tờ trình kèm hs</i>)	20,5 ngày
B5	Xét duyệt	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	Ý kiến xét duyệt	1/2 ngày
B6	Xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục	Ý kiến xét duyệt	1/2 ngày
B7	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B8	Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa tại TTPVHCC	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	Văn bản phát hành <i>Dự thảo (Tờ trình UBND tỉnh)</i>	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B9	Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm HCC tỉnh	Đính kèm HS liên thông (scan)	1/2 ngày
B10	Liên thông UBND tỉnh giải quyết (<i>Bao gồm cả thời gian trình HĐND tỉnh</i>)			23 ngày
B11	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm HCC tỉnh	Đính kèm kết quả (scan <i>QĐ</i>)	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				48 ngày

2. Tên thủ tục hành chính Quyết định thu hồi rừng đối với tổ chức tự nguyện trả lại rừng

- Thời gian giải quyết 16 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
- Quy trình:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm HCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B3	Phân công thụ lý	Lãnh đạo phòng Quản lý bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B4	Thụ lý hồ sơ	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng QLBVR và BTTN	- Kiểm tra văn bản trả lại rừng	10 ngày

			- Dự thảo Văn bản (Tờ trình)	
B5	Xét duyệt	Lãnh đạo Phòng QLVR và BTTN	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B6	Xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B7	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/4 ngày
B8	Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa tại TTPVHCC	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng QLVR và BTTN	Văn bản phát hành (Tờ trình, Dự thảo QĐ)	1/4 ngày
B9	Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT	Đính kèm HS liên thông (scan)	1/4 ngày
B10	Liên thông UBND tỉnh giải quyết			3,5 ngày
B11	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ	Đính kèm kết quả (scan QĐ phê duyệt)	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				16 ngày

3. Tên TTHC: Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức.

- Thời gian giải quyết: 17 ngày;
- Quy trình:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm HCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/2 ngày
B3	Phân công thụ lý	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B4	Thụ lý hồ sơ	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và Phát triển rừng Báo cáo	Dự thảo Văn bản (<i>Tờ trình</i>)	07 ngày
B7	Xét duyệt	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B8	Xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục	Ý kiến xét duyệt	1/2 ngày
B9	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B10	Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa tại TTPVHCC	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	Văn bản phát hành (<i>Tờ trình, Dự thảo QĐ</i>)	1/4 ngày
B11	Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm HS liên thông (<i>scan</i>)	1/4 ngày
B12	Liên thông UBND tỉnh giải quyết (<i>Xem xét và phê duyệt</i>)			07 ngày
B14	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm kết quả (<i>scan QĐ phê duyệt</i>)	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				17 ngày

4. Tên thủ tục hành chính Quyết định giao rừng cho tổ chức

- Thời gian giải quyết: 26 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ

- Quy trình:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm HCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Phân công thụ lý	Lãnh đạo phòng Quản lý bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B3	Thụ lý hồ sơ	Chuyên viên/Kiểm lâm viên phòng Quản lý bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng QLBVR và BTTN	- Ý kiến thẩm định bằng văn bản của các sở, ngành, địa phương có liên quan - Kiểm tra hiện trạng rừng tại thực địa - Dự thảo Văn bản (<i>Tờ trình</i>	20 ngày
B4	Xét duyệt	Lãnh đạo Phòng QLBVR và BTTN	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B5	Xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục	Ý kiến xét duyệt	1/2 ngày
B6	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B7	Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa tại TTPVHCC	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng QLBVR và BTTN	Văn bản phát hành (<i>Tờ trình, Dự thảo QĐ</i>)	1/4 ngày

B8	Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm HS liên thông (scan)	1/4 ngày
B9	Liên thông UBND tỉnh			3 ngày
B10	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm kết quả (<i>scan QĐ phê duyệt</i>)	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				26 ngày

5. Phê duyệt Phương án sử dụng rừng đối với các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý

* Thời gian giải quyết: 11 ngày.

* Quy trình:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm HCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Phân công thụ lý	Lãnh đạo phòng Quản lý bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên	Ý kiến phân công	1/4 ngày

B3	Thụ lý hồ sơ	Chuyên viên/Kiểm lâm viên phòng Quản lý bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng QLBVR và BTTN	- Ý kiến thẩm định bằng văn bản của các sở, ngành, địa phương có liên quan - Kiểm tra hiện trạng rừng tại thực địa - Dự thảo Văn bản (<i>Tờ trình</i>	3,5 ngày
B4	Xét duyệt	Lãnh đạo Phòng QLBVR và BTTN	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B5	Xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục	Ý kiến xét duyệt	1/2 ngày
B6	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B7	Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa tại TTPVHCC	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng QLBVR và BTTN	Văn bản phát hành (<i>Tờ trình, Dự thảo QĐ</i>)	1/4 ngày
B8	Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm HS liên thông (scan)	1/4 ngày
B9	Liên thông UBND tỉnh			05 ngày
B10	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm kết quả (<i>scan QĐ phê duyet</i>)	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				11 ngày

6. Tên TTHC: Phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng

6.1. Trường hợp đề nghị phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng:

a) Trường hợp diện tích rừng tạm sử dụng thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp tỉnh:

- Thời gian giải quyết: 9 ngày

- Trình tự thực hiện:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm HCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Xem xét phân công	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B3	Phân công thụ lý	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B4	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và PTR	Dự thảo Văn bản (<i>Tờ trình, Báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định</i>)	3,5 ngày
B5	Xét duyệt	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B6	Xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B7	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B8	Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa tại TTPVHCC	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và PTR	Văn bản phát hành (<i>Tờ trình và Báo cáo thẩm định</i>)	1/4 ngày
B9	Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm HS liên thông (scan)	1/4 ngày

	Liên thông UBND tỉnh giải quyết			3 ngày
B11	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm kết quả (<i>scan QĐ phê duyệt</i>)	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				9 ngày

b) Trường hợp diện tích rừng tạm sử dụng thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các Bộ, ngành chủ quản:

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 15 ngày
- Trình tự thực hiện:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm HCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Xem xét phân công	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B3	Phân công thụ lý	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B4	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và PTR	Dự thảo Văn bản (<i>Tờ trình, Báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định</i>)	3,5 ngày
B5	Xét duyệt	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày

B6	Xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B7	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B8	Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa tại TTPVHCC	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và PTR	Văn bản phát hành (<i>Tờ trình và Báo cáo thẩm định</i>)	1/4 ngày
B9	Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm HS liên thông (scan)	1/4 ngày
	Liên thông UBND tỉnh giải quyết			9 ngày
B13	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm kết quả (<i>scan QĐ phê duyệt</i>)	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				15 ngày

7. Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ

7.1. Trường hợp không kiểm tra, xác minh:

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 3,5 ngày làm việc

- Quy trình:

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm HCC tỉnh	Kèm scan hồ sơ	1/4 ngày

B2	Xem xét, phân công	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B3	Xem xét xử lý, thẩm định hồ sơ	- Bộ phận chuyên môn của Chi cục Kiểm lâm	- Kiểm tra, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ.	02 ngày
		- Bộ phận chuyên môn của Chi cục Kiểm lâm	- Ý kiến trình lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	1/4 ngày
B4	Xem xét, phê duyệt	- Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	- Phân loại doanh nghiệp trên Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp hoặc thông báo nêu lý do không được phân loại Nhóm I	1/2 ngày
B5	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm HCC tỉnh	- Hồ sơ, thông báo kết quả phân loại cho doanh nghiệp đăng ký phân loại (<i>Phân loại doanh nghiệp trên Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp hoặc thông báo nêu lý do không được phân loại Nhóm I</i>)	1/4 ngày
Tổng thời gian				3,5 ngày

*** Trường hợp kiểm tra, xác minh:**

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 7,5 ngày làm việc

- Quy trình:

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm HCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày

B2	Xem xét, phân công	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Ý kiến phân công	1/2 ngày
B3	Xem xét xử lý, thẩm định hồ sơ	Bộ phận chuyên môn của Chi cục Kiểm lâm	Kiểm tra, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ.	1,5 ngày
		- Bộ phận chuyên môn của Chi cục Kiểm lâm - Hạt Kiểm lâm cấp huyện nơi doanh nghiệp có trụ sở chính hoặc nơi có cơ sở chế biến gỗ của doanh nghiệp; Kiểm lâm phụ trách địa bàn	Kiểm tra, xác minh tính chính xác của thông tin tự kê khai của doanh nghiệp	04 ngày
		Bộ phận chuyên môn của Chi cục Kiểm lâm	Ý kiến trình lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	1/2 ngày
B4	Xem xét, phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Phân loại doanh nghiệp trên Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp hoặc thông báo nêu lý do không được phân loại Nhóm I	1/2 ngày
B5	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm HCC tỉnh	- Hồ sơ, thông báo kết quả phân loại cho doanh nghiệp đăng ký phân loại (<i>Phân loại doanh nghiệp trên Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp hoặc thông báo nêu lý do không được phân loại Nhóm I</i>)	1/4 ngày
Tổng thời gian				7,5 ngày

8. Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu:

* Trường hợp không kiểm tra, xác minh:

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 2,5 ngày làm việc

- Quy trình:

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp công dân Hạt kiểm lâm huyện	- Hồ sơ xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	1/4 ngày
B2	Xem xét, phân công	Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm huyện	- Ý kiến phân công	1/4 ngày
B3	Xem xét xử lý, thẩm định hồ sơ	Bộ phận chuyên môn của Hạt Kiểm lâm huyện	- Kiểm tra, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ.	1 ngày
		- Bộ phận chuyên môn của Hạt Kiểm lâm huyện	- Ý kiến trình lãnh đạo Hạt Kiểm lâm huyện	1/4 ngày
B4	Xem xét, phê duyệt	Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm huyện	- Xác nhận bằng kê gỗ xuất khẩu hoặc bằng kê sản phẩm gỗ xuất khẩu	1/2 ngày
B5	Trả kết quả	Bộ phận tiếp công dân Hạt kiểm lâm huyện	- Hồ sơ, Bảng kê gỗ xuất khẩu hoặc bằng kê sản phẩm gỗ xuất khẩu có xác nhận của Hạt Kiểm lâm	1/4 ngày
Tổng thời gian				2,5 ngày

*** Trường hợp kiểm tra, xác minh:**

- Thời gian giải quyết: 4,5 ngày làm việc

- Quy trình:

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp công dân Hạt kiểm lâm huyện		1/4 ngày
B2	Xem xét, phân công	Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm huyện	- Ý kiến phân công	1/4 ngày
B3	Xem xét xử lý, thẩm định hồ sơ	Bộ phận chuyên môn của Hạt Kiểm lâm huyện	- Kiểm tra, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ.	1/2 ngày
		Bộ phận chuyên môn của Hạt Kiểm lâm huyện Kiểm lâm phụ trách địa bàn	- Kiểm tra thực tế lô hàng gỗ xuất khẩu theo quy định	02 ngày
		Bộ phận chuyên môn của Hạt Kiểm lâm huyện	- Ý kiến trình lãnh đạo Hạt Kiểm lâm huyện	01 ngày
B4	Xem xét, phê duyệt	Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm	- Xác nhận bảng kê gỗ xuất khẩu hoặc bảng kê sản phẩm gỗ xuất khẩu	1/4 ngày
B5	Trả kết quả	Bộ phận tiếp công dân Hạt kiểm lâm huyện	- Hồ sơ, Bảng kê gỗ xuất khẩu hoặc bảng kê sản phẩm gỗ xuất khẩu có xác nhận của Hạt Kiểm lâm	1/4 ngày
Tổng thời gian				4,5 ngày

9. Tên TTHC: Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

9.1. Trường hợp diện tích quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với các chủ rừng thuộc phạm vi quản lý của tỉnh

- Thời gian giải quyết theo quy định: 35 ngày (*kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ*).

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ	Bộ phận một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường trực tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Scan hồ sơ	1/2 ngày
Bước 2	Xem xét phân công	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Ý kiến phân công	1/2 ngày
Bước 3	Phân công thụ lý	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và phát triển rừng	Ý kiến phân công	1/2 ngày
Bước 4	Thụ lý hồ sơ	Chuyên viên phòng sử dụng và phát triển rừng	- Kiểm tra về nội dung của thành phần hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: tham mưu Văn bản cho Sở trả hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do (<i>03 ngày làm việc</i>); + Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: kiểm tra xác minh về Báo cáo hiện trạng rừng, lập Báo cáo thẩm định, văn bản xin ý kiến thẩm định; + dự thảo Tờ trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường trình UBND tỉnh, (<i>kèm dự thảo Quyết định của UBND tỉnh</i>); - Chuyển Lãnh đạo Phòng xem xét.	20 ngày
Bước 5	Xem xét, duyệt Văn bản trả hồ sơ/Tờ trình của Sở, chuyển Lãnh đạo Chi cục	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và phát triển rừng	Dự thảo văn bản	1/2 ngày

Bước 6	Xem xét, duyệt dự thảo Văn bản trả hồ sơ/Tờ trình của Sở, chuyển Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Ý kiến xét duyệt	1/2 ngày
Bước 7	Phê duyệt Văn bản trả hồ sơ/Tờ trình của Sở, chuyển Văn thư ban hành	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
Bước 8	Phát hành văn bản theo quy định, chuyển Văn phòng UBND tỉnh hồ sơ chuyển liên thông UBND tỉnh;	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường	Văn bản phát hành <i>Dự thảo (Tờ trình UBND tỉnh)</i>	1/2 ngày
Bước 9	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ liên thông	Bộ phận một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	Tờ trình, dự thảo Nghị quyết HĐND	1/2 ngày
Bước 10	Liên thông UBND tỉnh			10 ngày
Bước 11	Lấy kết quả liên thông, Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	Kết quả liên thông	1 ngày
Tổng thời gian giải quyết				35 ngày

9.2. Trường hợp diện tích điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với các chủ rừng thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ngành, trung ương

- Thời gian giải quyết theo quy định: 48 ngày (*kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ*)
- Quy trình:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện		Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm HCC tỉnh		Kèm theo scan hồ sơ	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện		Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B2	Phân công thụ lý	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và Phát triển rừng		Ý kiến phân công	1/2 ngày
B3	Thụ lý hồ sơ	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và Phát triển rừng		- Kiểm tra, xác minh - Báo cáo kết quả thẩm định - Dự thảo Văn bản (<i>Tờ trình kèm hs</i>)	21 ngày
B4	Xét duyệt	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và Phát triển rừng		Ý kiến xét duyệt	1/2 ngày
B5	Xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục		Ý kiến xét duyệt	1/2 ngày
B6	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở		Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B7	Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa tại TTPVHCC	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và Phát triển rừng		Văn bản phát hành <i>Dự thảo (Tờ trình UBND tỉnh)</i>	1/2 ngày
B8	Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm HCC tỉnh		Đính kèm HS liên thông (<i>scan</i>)	1/2 ngày
B9	Liên thông UBND tỉnh giải quyết (<i>Bao gồm cả thời gian trình HĐND tỉnh</i>)				23 ngày
B10	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&Môi trường		Đính kèm kết quả (<i>scan QĐ</i>)	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện					48 ngày

10. Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES

*** Trường hợp không kiểm tra, xác minh:**

- Thời gian thực tế giải quyết: 03 ngày làm việc

- Quy trình:

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	Hồ sơ đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng	1/4 ngày
B2	Xem xét, phân công	Lãnh đạo phòng Điều tra xử lý vi phạm về lâm nghiệp	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B3	Thụ lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng điều tra xử lý vi phạm về lâm nghiệp	Thẩm định hồ sơ Dự thảo kết quả thẩm định	1,75 ngày
B4	Xem xét, phê duyệt	Lãnh đạo phòng Điều tra xử lý vi phạm về lâm nghiệp	Kết quả thẩm định	1/4 ngày
B4	Xem xét, phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Kết quả thẩm định	1/4 ngày
B5	Trả kết quả	Bộ phận một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	Kết quả trả	1/4 ngày
Tổng thời gian				03 ngày

*** Trường hợp kiểm tra, xác minh:**

- Thời gian thực tế giải quyết: 17,5 ngày làm việc

- Quy trình:

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	Hồ sơ đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng	1/2 ngày
B2	Xem xét, phân công	Lãnh đạo phòng Điều tra xử lý vi phạm về lâm nghiệp	Ý kiến phân công	1/2 ngày
	Thụ lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng điều tra xử lý vi phạm về lâm nghiệp	- Kiểm tra, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ - Kiểm tra xác minh tại cơ sở đăng ký cấp mã gây nuôi; tại nơi cấp con giống gây nuôi,... - Dự thảo kết quả thẩm định	15 ngày
B4	Xem xét, phê duyệt	- Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Cấp mã số cơ sở gây, nuôi	1 ngày
B5	Trả kết quả	Bộ phận một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	Kết quả trả	1/2 ngày
Tổng thời gian				17,5 ngày

11. Tên TTHC: Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của địa phương

- Thời gian giải quyết TTHC: 22 ngày.

- Quy trình:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm HCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B3	Phân công thụ lý	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B4	Thành lập Hội đồng thẩm định	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	Quyết định thành lập hội đồng	03 ngày
B5	Hội đồng thẩm định làm việc (<i>Hội đồng tiến hành thẩm định hồ sơ, kiểm tra xác minh hiện trường, họp hội đồng và lập biên bản họp Hội đồng</i>)		Biên bản thẩm định của Hội đồng	08 ngày
B6	Tiếp nhận xử lý kết quả của Hội đồng thẩm định	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	Dự thảo các văn bản Báo cáo thẩm định, Tờ trình, Quyết định thanh lý rừng.	4 ngày
B7	Xét duyệt	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B8	Xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B9	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ý kiến phê duyệt	1/4 ngày
B10	Lưu sổ và bàn giao bộ phận	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử	Văn bản phát hành (<i>Báo cáo, Tờ</i>	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
	một cửa tại TTPVHCC	dụng và Phát triển rừng	<i>trình, Dự thảo QĐ)</i>	
B11	Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Đính kèm HS liên thông (<i>scan</i>)	1/4 ngày
B12	Liên thông UBND tỉnh giải quyết (<i>Xem xét và phê duyệt</i>)			05 ngày
B13	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Đính kèm kết quả (<i>scan QĐ phê duyệt</i>)	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				22 ngày

12. Tên TTHC: Phê duyệt điều chỉnh phân khu chức năng của rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý.

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 41,5 ngày
- Trình tự thực hiện:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm HCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Xem xét phân công	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Ý kiến phân công	1/4 ngày

B3	Phân công thụ lý	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B4	Thụ lý hồ sơ	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và PTR	Văn bản xin ý kiến thẩm định	4,5 ngày
B5	Ý kiến thẩm định của các sở, ngành, địa phương có liên quan	Các sở, ngành, địa phương có liên quan	Ý kiến thẩm định bằng văn bản của các sở, ngành, địa phương có liên quan	11 ngày
B6	Hoàn thành thẩm định hồ sơ	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và PTR	Dự thảo Văn bản (<i>Báo cáo thẩm định</i>)	13,25 ngày
B7	Xét duyệt	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B8	Xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục	Ý kiến xét duyệt	1/2 ngày
B9	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B10	Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa tại TTPVHCC	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và PTR	Văn bản phát hành (<i>Báo cáo thẩm định</i>)	1/4 ngày
B11	Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm HS liên thông (scan)	1/4 ngày
	Liên thông UBND tỉnh giải quyết			10 ngày
B13	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm kết quả (<i>scan QĐ phê duyệt</i>)	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				41,5 ngày

13. Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng

13.1. Trường hợp không phải xác minh:

+ Thời gian giải quyết: 06 ngày.

+ Quy trình:

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ cho phòng chuyên môn	Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Xem xét, phân công	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Ý kiến phân công	1/2 ngày
B3	Chi cục Kiểm lâm tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ	Lãnh đạo phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến phân công	1/2 ngày
		Kiểm lâm viên phòng Sử dụng và PTR	Kiểm tra, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ.	2 ngày
		Lãnh đạo phòng Sử dụng và PTR xem xét.	Ý kiến trình lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	1/2 ngày
B4	Xem xét, trình Sở Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo chi cục Kiểm lâm	Ý kiến trình phê duyệt	1/2 ngày
B5	Chuyển lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ý kiến phê duyệt đối với Phương án	1/2 ngày
B6	Bàn giao hồ sơ	Chi cục Kiểm lâm	Kết quả	1/2 ngày
B7	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm Hành chính công	Đính kèm kết quả	1/2 ngày
Tổng thời gian				06 ngày

- Trường hợp phải xác minh:

+ Thời gian giải quyết: 7,5 ngày.

+ Quy trình:

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ cho phòng chuyên môn	Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Xem xét, phân công	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Ý kiến phân công	1/2 ngày
B3	Chi cục Kiểm lâm tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ	Lãnh đạo phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến phân công	1/2 ngày
		Kiểm lâm viên phòng Sử dụng và PTR	Kiểm tra, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ.	2 ngày
		Kiểm lâm viên phòng Sử dụng và PTR	Kiểm tra, xác minh tại cơ sở	1,5 ngày
		Lãnh đạo phòng Sử dụng và PTR xem xét.	Ý kiến trình lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	1/2 ngày
B4	Xem xét, trình Sở Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo chi cục Kiểm lâm	Ý kiến trình phê duyệt	1/2 ngày
B5	Chuyển lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ý kiến phê duyệt đối với Phương án	1/2 ngày
B6	Bàn giao hồ sơ	Chi cục Kiểm lâm	Kết quả	1/2 ngày
B7	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Đính kèm kết quả	1/2 ngày
Tổng thời gian				7,5 ngày

14. Tên TTHC: Công nhận, công nhận lại nguồn giống cây trồng lâm nghiệp

- Thời gian giải quyết: 13 ngày làm việc.

- Quy trình:

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Xem xét phân công	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Ý kiến phân công	1/2 ngày
B3	Phòng Sử dụng và PTR tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến phân công	1/4 ngày
		Chuyên viên phòng Sử dụng và Phát triển rừng	- Xem xét nội dung hồ sơ. - Dự thảo văn bản (<i>gửi các đơn vị đề xuất thành viên và dự thảo QĐ thành lập HĐĐ cấp cơ sở</i>) - Trình phê duyệt Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định	03 ngày
B4	HĐ thẩm định làm việc (<i>Hội đồng tiến hành thẩm định hồ sơ, thực hiện kiểm tra hiện trường, họp và lập báo cáo kết quả thẩm định</i>)		Kết quả làm việc của Hội đồng (<i>Báo cáo thẩm định</i>)	07 ngày
B5	Phòng Sử dụng và PTR tiếp nhận, xử lý kết quả của Hội đồng thẩm định	Chuyên viên phòng Sử dụng và Phát triển rừng	Dự thảo Văn bản (<i>Dự thảo Quyết định</i>)	01 ngày
		Lãnh đạo phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B6	Xem xét trình phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục	Ý kiến trình phê duyệt	1/2 ngày
B8	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Đính kèm kết quả (<i>scan QĐ phê duyệt</i>)	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				13 ngày

15. Tên TTHC: Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư.

- Thời gian giải quyết: 12 ngày

- Trình tự thực hiện:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm HCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Xem xét phân công	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B3	Phân công thụ lý	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B4	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và PTR	Dự thảo Văn bản (<i>Báo cáo thẩm định</i>)	9,75 ngày
B5	Xét duyệt	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B6	Xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục	Ý kiến xét duyệt	1/2 ngày
B7	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B8	Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa tại TTPVHCC	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và PTR	Văn bản phát hành (<i>Báo cáo thẩm định</i>)	1/4 ngày
B9	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm kết quả (<i>scan Báo cáo thẩm định</i>)	0 ngày
Tổng thời gian thực hiện				12 ngày

16. Tên TTHC: Phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án tự trồng rừng thay thế

a) Trường hợp không phải kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại thực địa:

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 22,5 ngày
- Trình tự thực hiện:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm HCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Xem xét phân công	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B3	Phân công thụ lý	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B4	Thành lập HĐTĐ và tổ chức Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và PTR	Dự thảo Văn bản (<i>Quyết định thành lập HĐTĐ, Phiếu ghi ý kiến thành viên HĐTĐ; Biên bản họp HĐTĐ; Báo cáo thẩm định, Tờ trình và dự thảo Quyết định</i>)	12,5 ngày
B5	Xét duyệt	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B6	Xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục	Ý kiến xét duyệt	1/2 ngày
B7	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày

B8	Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa tại TTPVHCC	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và PTR	Văn bản phát hành (<i>Tờ trình và Báo cáo thẩm định</i>)	1/4 ngày
B9	Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm HS liên thông (scan)	1/4 ngày
B10	Xem xét và phê duyệt	UBND tỉnh	Quyết định phê duyệt	7,25 ngày
B11	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm kết quả (<i>scan QĐ phê duyệt</i>)	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				22,5 ngày

b) Trường hợp phải kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại thực địa

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 33,75 ngày
- Trình tự thực hiện:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm HCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Xem xét phân công	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Ý kiến phân công	1/4 ngày

B3	Phân công thụ lý	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B4	Thành lập HĐTD và tổ chức Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và PTR	Dự thảo Văn bản (<i>Quyết định thành lập HĐTD, Biên bản kiểm tra, đánh giá phương án trồng rừng tại thực địa; Phiếu ghi ý kiến thành viên HĐTD; Biên bản họp HĐTD; Báo cáo thẩm định, Tờ trình của SNN&MT và dự thảo Quyết định</i>)	23,75 ngày
B5	Xét duyệt	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B6	Xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục	Ý kiến xét duyệt	1/2 ngày
B7	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B8	Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa tại TTPVHCC	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và PTR	Văn bản phát hành (<i>Tờ trình và Báo cáo thẩm định</i>)	1/4 ngày
B9	Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm HS liên thông (scan)	1/4 ngày
B10	Xem xét và phê duyệt	UBND tỉnh	Quyết định phê duyệt Phương án	7,25 ngày
B11	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm kết quả (<i>scan QĐ phê duyệt</i>)	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				33,75 ngày

17. Tên TTHC: Chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế

a) Trường hợp chủ dự án không đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền

17.1. Trường hợp UBND cấp tỉnh bố trí đất để trồng rừng thay thế trên địa bàn

- Thời gian giải quyết: 22 ngày

- Trình tự thực hiện:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm HCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Phân công thụ lý	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B3	Xem xét, giải quyết đề nghị của chủ dự án	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và PTR	Dự thảo Văn bản <i>(Tờ trình của Sở Nông nghiệp và MT và dự thảo Văn bản thông báo chấp thuận nộp tiền của UBND tỉnh)</i>	3 ngày
B4	Xét duyệt	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B5	Xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B6	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/4 ngày

B7	Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa tại TTPVHCC	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và PTR	Văn bản phát hành (<i>Tờ trình của Sở Nông nghiệp và MT và Văn bản thông báo chấp thuận nộp tiền của UBND tỉnh</i>)	1/4 ngày
B8	Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm HS liên thông (scan)	1/4 ngày
B9	Liên thông UBND tỉnh			2 ngày
B10	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm kết quả (<i>scan Văn bản của UBND tỉnh</i>)	1/4 ngày
B11	Nộp tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh	Chủ dự án	Nộp đủ số tiền theo văn bản thông báo của UBND cấp tỉnh	10 ngày
B12	Thông báo việc hoàn thành nghĩa vụ trồng rừng thay thế	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh thông báo bằng Văn bản cho chủ dự án	5 ngày
Tổng thời gian thực hiện				22 ngày

17.2.2 Trường hợp địa phương không bố trí được đất để trồng rừng thay thế trên địa bàn

a) Trường hợp chủ dự án không đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền

- Thời gian thực tế giải quyết: 57 ngày
- Trình tự thực hiện:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm HCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Xem xét phân công	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B3	Phân công thụ lý	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B4	Xem xét, giải quyết đề nghị của chủ dự án	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và PTR	Dự thảo Văn bản (<i>Tờ trình của Sở Nông nghiệp và MT và dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh gửi BNN&PTNT</i>)	4 ngày
B5	Xét duyệt	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B6	Xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B7	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/4 ngày
B8	Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa tại TTPVHCC	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và PTR	Văn bản phát hành (<i>Tờ trình của UBND tỉnh</i>)	1/4 ngày
B9	Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm HS liên thông (scan)	1/4 ngày

B10	Chuyển hồ sơ đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT chấp thuận nộp tiền TRTT về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam để tổ chức trồng rừng thay thế ở địa phương khác	UBND tỉnh	Tờ trình đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT chấp thuận nộp tiền TRTT về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam để tổ chức trồng rừng thay thế ở địa phương khác	1 ngày
B11	Đề nghị UBND cấp tỉnh nơi tiếp nhận TRTT cung cấp thông tin về địa điểm, đơn giá TRTT trên địa bàn tỉnh tại thời điểm chủ dự án đề nghị nộp tiền	Bộ Nông nghiệp và PTNT	Văn bản của Bộ Nông nghiệp và PTNT	5 ngày
B12	Xác nhận về việc bố trí địa điểm trồng rừng thay thế và đơn giá trồng rừng thay thế	UBND tỉnh nơi tiếp nhận TRTT	Văn bản của UBND cấp tỉnh nơi tiếp nhận nguồn kinh phí trồng rừng thay thế	12 ngày
B13	Thông báo đến UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền về thời gian và số tiền chủ dự án phải nộp để trồng rừng thay thế	Bộ Nông nghiệp và PTNT	Văn bản của Bộ Nông nghiệp và PTNT	3 ngày
B14	Thông báo đến Chủ dự án về thời gian và số tiền chủ dự án phải nộp để trồng rừng thay thế	UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền trồng rừng thay thế	Văn bản của Bộ Nông nghiệp và UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền trồng rừng thay thế	5 ngày
B15	Nộp tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi chủ dự án nộp hồ sơ	Chủ dự án	Nộp đủ số tiền theo văn bản thông báo của UBND cấp tỉnh nơi chủ dự án nộp hồ sơ	10 ngày

B16	Chuyển số tiền chủ dự án đã nộp về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam và thông báo việc hoàn thành nghĩa vụ trồng rừng thay thế đến chủ dự án	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi chủ dự án nộp hồ sơ	Chuyển đủ số tiền do Chủ dự án đã nộp về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam; Văn bản của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi chủ dự án nộp hồ sơ thông báo việc hoàn thành nghĩa vụ trồng rừng thay thế của chủ dự án	5 ngày
B17	Điều chuyển tiền về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi được lựa chọn trồng rừng thay thế	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam	Kinh phí trồng rừng thay thế được chuyển về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi được lựa chọn trồng rừng thay thế	10
Tổng thời gian thực hiện				57 ngày

b) Trường hợp chủ dự án đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền

*** Trường hợp số tiền chủ dự án đã nộp theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền thấp hơn số tiền phải nộp theo đơn giá trồng rừng của tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế**

- Thời gian thực tế giải quyết: 37 ngày
- Trình tự thực hiện:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm HCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Phân công thụ lý	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến phân công	1/4 ngày

B3	Xem xét, giải quyết đề nghị của chủ dự án	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và PTR	Dự thảo Văn bản (<i>Tờ trình của Sở Nông nghiệp và MT và dự thảo Văn bản thông báo chấp thuận của UBND tỉnh</i>)	3 ngày
B4	Xét duyệt	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B5	Xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B6	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/4 ngày
B7	Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa tại TTPVHCC	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và PTR	Văn bản phát hành (<i>Tờ trình và Văn bản thông báo chấp thuận của UBND tỉnh</i>)	1/4 ngày
B8	Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm HS liên thông (scan)	1/4 ngày
B9	Xem xét và phê duyệt	UBND tỉnh	<i>Văn bản thông báo chấp thuận của UBND tỉnh</i>	2 ngày
B10	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm kết quả (<i>scan QĐ phê duyệt</i>)	1/4 ngày
B11	Nộp tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh	Chủ dự án	Nộp đủ số tiền theo văn bản thông báo của UBND cấp tỉnh	10 ngày
B12	Thông báo việc hoàn thành	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp	5 ngày

	nghĩa vụ trồng rừng thay thế		tỉnh thông báo bằng Văn bản cho chủ dự án	
B13	Thông báo về số tiền chênh lệch đơn giá trồng rừng thay thế	UBND cấp tỉnh nơi đề nghị chủ dự án nộp tiền TRTT	Thông báo bằng văn bản của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị chủ dự án nộp tiền TRTT về số tiền chênh lệch đơn giá trồng rừng thay thế	5 ngày
B14	Nộp bổ sung số tiền chênh lệch so với đơn giá đơn giá TRTT của tỉnh nơi tiếp nhận TRTT	Chủ dự án	Nộp đủ số tiền theo văn bản thông báo của UBND cấp tỉnh	10 ngày
Tổng thời gian thực hiện				37 ngày

*** Trường hợp số tiền chủ dự án đã nộp theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền cao hơn số tiền phải nộp theo đơn giá trồng rừng của tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế**

- Thời gian giải quyết: 42 ngày
- Trình tự thực hiện:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm HCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Phân công thụ lý	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến phân công	1/4 ngày

B3	Xem xét, giải quyết đề nghị của chủ dự án	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và PTR	Dự thảo Văn bản (<i>Tờ trình của Sở Nông nghiệp và MT và dự thảo Văn bản thông báo chấp thuận của UBND tỉnh</i>)	3 ngày
B4	Xét duyệt	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B5	Xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B6	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/4 ngày
B7	Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa tại TTPVHCC	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và PTR	Văn bản phát hành (<i>Tờ trình và Văn bản thông báo chấp thuận của UBND tỉnh</i>)	1/4 ngày
B8	Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm HS liên thông (scan)	1/4 ngày
B9	Xem xét và phê duyệt	UBND tỉnh	Văn bản thông báo chấp thuận của UBND tỉnh	2 ngày
B10	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm kết quả (<i>scan QĐ phê duyệt</i>)	1/4 ngày
B11	Nộp tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh	Chủ dự án	Nộp đủ số tiền theo văn bản thông báo của UBND cấp tỉnh	10 ngày
B12	Thông báo việc hoàn thành	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp	5 ngày

	nghĩa vụ trồng rừng thay thế		tỉnh thông báo bằng Văn bản cho chủ dự án	
B13	Thông báo về số tiền chênh lệch đơn giá trồng rừng thay thế	UBND cấp tỉnh nơi đề nghị chủ dự án nộp tiền TRTT	Thông báo bằng văn bản của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị chủ dự án nộp tiền TRTT về số tiền chênh lệch đơn giá trồng rừng thay thế	5 ngày
B14	Hoàn trả kinh phí chênh lệch bao gồm cả tiền lãi cho chủ dự án	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi nộp hồ sơ	Hoàn trả đủ kinh phí chênh lệch bao gồm cả tiền lãi cho chủ dự án	15 ngày
Tổng thời gian thực hiện				42 ngày

18. Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý

- Thời gian giải quyết: 34 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Quy trình:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm HCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Xem xét phân công	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Ý kiến phân công	1/2 ngày

B3	Phân công thụ lý	Lãnh đạo QLBR và BTTN	Ý kiến phân công	1/2 ngày
	Thụ lý hồ sơ	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng QLBR và BTTN	- Văn bản xin ý kiến thẩm định - Dự thảo Văn bản (Báo cáo thẩm định) - Dự thảo Văn bản (<i>Tờ trình, Dự thảo Quyết định</i>)	25 ngày
B7	Xét duyệt	Lãnh đạo Phòng QLBR và BTTN	Ý kiến xét duyệt	1/2 ngày
B8	Xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục	Ý kiến xét duyệt	1/2 ngày
B9	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B10	Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa tại TTPVHCC	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng QLBR và BTTN	Văn bản phát hành (<i>Tờ trình, Dự thảo QĐ</i>)	1/2 ngày
B11	Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm HS liên thông (scan)	1/4 ngày
	Liên thông UBND tỉnh giải quyết			5 ngày
B112	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm kết quả (<i>scan QĐ phê duyệt</i>)	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				34 ngày

19. Tên thủ tục hành chính: Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ hoặc rừng sản xuất thuộc địa phương quản lý

- Thời gian giải quyết: 34 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Quy trình:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm HCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Xem xét phân công	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Ý kiến phân công	1/2 ngày
B3	Phân công thụ lý	Lãnh đạo QLVR và BTTN	Ý kiến phân công	1/2 ngày
	Thụ lý hồ sơ	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng QLVR và BTTN	- Văn bản xin ý kiến thẩm định - Dự thảo Văn bản (Báo cáo thẩm định) - Dự thảo Văn bản (<i>Tờ trình, Dự thảo Quyết định</i>)	25 ngày
B7	Xét duyệt	Lãnh đạo Phòng QLVR và BTTN	Ý kiến xét duyệt	1/2 ngày
B8	Xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục	Ý kiến xét duyệt	1/2 ngày

B9	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B10	Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa tại TTPVHCC	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng QLVR và BTTN	Văn bản phát hành (<i>Tờ trình, Dự thảo QĐ</i>)	1/2 ngày
B11	Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm HS liên thông (scan)	1/4 ngày
	Liên thông UBND tỉnh giải quyết			5 ngày
B112	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm kết quả (<i>scan QĐ phê duyệt</i>)	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				34 ngày

20. Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh)

- Thời gian thực tế giải quyết: 10 ngày
- Trình tự thực hiện:

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ cho phòng chuyên môn	Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/2 ngày

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian
B2	Xem xét, phân công	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và MT	Ý kiến phân công	1/2 ngày
B3	Chi cục Kiểm lâm tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ	Lãnh đạo phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến phân công	1/2 ngày
		Kiểm lâm viên phòng Sử dụng và PTR	Kiểm tra, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ.	1 ngày
		Kiểm lâm viên phòng Sử dụng và PTR	Tham mưu quyết định thành lập Đoàn kiểm tra xác minh hiện trường	4 ngày
		Lãnh đạo phòng Sử dụng và PTR xem xét nội dung báo cáo, dự thảo Quyết định	Ý kiến trình lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	1/2 ngày
B4	Xem xét, trình Sở Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo chi cục Kiểm lâm	Ý kiến trình phê duyệt	1 ngày
B5	Chuyển lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ý kiến phê duyệt đối với Quyết định	1 ngày
B6	Bàn giao hồ sơ	Chi cục Kiểm lâm	Kết quả	1/2 ngày
B7	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm Hành chính công	Đính kèm kết quả	1/2 ngày
Tổng thời gian				10 ngày

21. Tên TTHC: Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức

- Thời gian thực tế giải quyết: 23 ngày
- Trình tự thực hiện:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm HCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Xem xét phân công	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Ý kiến phân công	1/2 ngày
B3	Phân công thụ lý	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến phân công	1/2 ngày
B4	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và PTR	Dự thảo Văn bản (<i>Tờ trình, Báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định</i>)	13,5 ngày
B5	Xét duyệt	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến xét duyệt	1/2 ngày
B6	Xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục	Ý kiến xét duyệt	1/2 ngày
B7	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B8	Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa tại TTPVHCC	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và PTR	Văn bản phát hành (<i>Tờ trình và Báo cáo thẩm định</i>)	1/2 ngày
B9	Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm HS liên thông (scan)	1/2 ngày

	Liên thông UBND tỉnh			05 ngày
B10	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm kết quả	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				23 ngày

B. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CẤP HUYỆN : 10 TTHC

1. Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ rừng tự nhiên

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 5,5 ngày làm việc

- Quy trình:

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp công dân Hạt Kiểm lâm huyện	Hồ sơ đầy đủ	1/2 ngày
B2	Xem xét, phân công	- Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm huyện	-Ý kiến phân công	1/2 ngày
B3	Xem xét xử lý, thẩm định hồ sơ	- Bộ phận chuyên môn của Hạt Kiểm lâm cấp huyện	Kiểm tra, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ.	03 ngày
		- Bộ phận chuyên môn của Hạt Kiểm lâm cấp huyện	Ý kiến trình lãnh đạo Hạt Kiểm lâm huyện	1/2 ngày
B4	Xem xét, phê duyệt	- Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm	Ý kiến phê duyệt đối với phương án	1/2 ngày
B5	Trả kết quả	Bộ phận tiếp công dân Hạt Kiểm lâm huyện	Đính kèm kết quả	1/2 ngày
Tổng thời gian				5,5 ngày

*** Trường hợp phải xác minh:**

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 07 ngày làm việc

- Quy trình:

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp công dân Hạt Kiểm lâm huyện	Hồ sơ đầy đủ	1/2 ngày
B2	Xem xét, phân công	- Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm huyện	- Ý kiến phân công	1/2 ngày
B3	Xem xét xử lý, thẩm định hồ sơ	- Bộ phận chuyên môn của Hạt Kiểm lâm cấp huyện	- Kiểm tra, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ.	1,5 ngày
		- Bộ phận chuyên môn của Hạt Kiểm lâm cấp huyện	- Kiểm tra, xác minh tại cơ sở	03 ngày
		- Kiểm lâm phụ trách địa bàn		
		- Bộ phận chuyên môn của Hạt Kiểm lâm cấp huyện	- Ý kiến trình lãnh đạo Hạt Kiểm lâm huyện	1/2 ngày
B4	Xem xét, phê duyệt	- Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm	- Ý kiến phê duyệt đối với phương án	1/2 ngày
B5	Trả kết quả	Bộ phận tiếp công dân Hạt Kiểm lâm huyện	- Đính kèm kết quả	1/2 ngày
Tổng thời gian				07 ngày

2. Xác nhận bằng kê lâm sản:

- Thời gian thực tế giải quyết: 01 ngày làm việc

- Quy trình:

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp công dân Hạt Kiểm lâm huyện	- Hồ sơ lâm sản	1/8 ngày
B2	Xem xét, phân công	- Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm huyện	- Ý kiến phân công	1/8 ngày
B3	Xem xét xử lý, thẩm định hồ sơ	- Kiểm lâm viên phụ trách pháp chế	- Kiểm tra, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ.	1/4 ngày
		- Kiểm lâm viên phụ trách pháp chế	- Ý kiến trình lãnh đạo Hạt Kiểm lâm huyện	1/4 ngày
B4	Xem xét, phê duyệt	- Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm	- Bảng kê lâm sản	1/8 ngày
B5	Trả kết quả	Bộ phận tiếp công dân Hạt Kiểm lâm huyện	- Hồ sơ, Bảng kê lâm sản	1/8 ngày
Tổng thời gian				01 ngày

*** Trường hợp phải xác minh:**

- Thời gian thực tế giải quyết: 04 ngày làm việc

- Quy trình:

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp công dân Hạt Kiểm lâm huyện		1/4 ngày
B2	Xem xét, phân công	- Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm huyện	- Ý kiến phân công	1/4 ngày

B3	Xem xét xử lý, thẩm định hồ sơ	- Bộ phận phụ trách pháp chế	- Kiểm tra, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ.	1/4 ngày
		- Bộ phận phụ trách pháp chế - Kiểm lâm phụ trách địa bàn	- Kiểm tra, xác minh nguồn gốc lâm sản	02 ngày
		- Kiểm lâm viên phụ trách pháp chế	- Ý kiến trình lãnh đạo Hạt Kiểm lâm huyện	1/2 ngày
B4	Xem xét, phê duyệt	- Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm	- Bảng kê lâm sản	1/4 ngày
B5	Trả kết quả	Bộ phận tiếp công dân Hạt Kiểm lâm huyện	- Hồ sơ, Bảng kê lâm sản	1/2 ngày
Tổng thời gian				04 ngày

3. Tên thủ tục hành chính Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng

- Thời gian giải quyết: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Quy trình:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Của UBND huyện	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày

B2	Xem xét phân công	Lãnh đạo UBND huyện	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B3	Phân công thụ lý	Lãnh đạo phòng Nông nghiệp và MT	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B4	Kiểm tra hồ sơ giao rừng Kiểm tra hiện trạng rừng tại thực địa Lập tờ trình trình UBND huyện	Chuyên viên Phòng Nông nghiệp và MT	Kiểm tra hồ sơ giao rừng Ý kiến thẩm định bằng văn bản của các phòng ban, địa phương có liên quan (Kiểm tra hiện trạng rừng tại thực địa) Dự thảo Văn bản (<i>Tờ trình</i>)	11 ngày
B7	Xét duyệt	Lãnh đạo Phòng Nông nghiệp và MT	Ý kiến xét duyệt	1/2 ngày
B9	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo huyện	Ý kiến phê duyệt	1/4 ngày
B10	Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa tại TTPVHCC	Chuyên viên phòng Nông nghiệp và MT	Văn bản phát hành (<i>Tờ trình, Dự thảo QĐ</i>)	1/4 ngày
B11	Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND huyện	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm PVHCC huyện	Đính kèm HS liên thông (scan)	1/4 ngày
	Liên thông UBND huyện giải quyết			

B12	Xem xét và phê duyệt	UBND huyện	Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng	1/2 ngày
B13	Bàn giao rừng	Các ban, ngành, địa phương có liên quan		1 ngày
B14	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Trung tâm PVHCC huyện	Đính kèm kết quả (<i>scan QĐ phê duyệt</i>)	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				15 ngày

4. Tên TTHC: Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm: 15 ngày.

- Quy trình:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ UBND cấp huyện	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Xem xét phân công	Lãnh UBND cấp huyện	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B3	Hạt Kiểm lâm tiếp nhận và xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phụ trách chuyên môn Hạt Kiểm lâm huyện	Ý kiến phân công	1/4 ngày
		Kiểm lâm viên	- Kiểm tra hồ sơ (<i>Văn bản trả lời trong trường hợp hồ sơ không hợp lệ</i>). - Lập Tờ trình trình UBND cấp huyện	08 ngày

			quyết định (<i>Tờ trình, Dự thảo QĐ</i>).	
		Lãnh đạo phụ trách chuyên môn Hạt Kiểm lâm huyện	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B4	Xem xét, trình UBND cấp huyện	Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm huyện	Xét trình	1/2 ngày
B5	UBND cấp huyện xem xét quyết định	UBND cấp huyện	Xét duyệt Quyết định	05 ngày
B6	Lưu sổ và bàn giao	Kiểm lâm viên	Văn bản phát hành (<i>đính kèm kết quả</i>)	1/4 ngày
B7	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ UBND cấp huyện	Văn bản phát hành	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				15 ngày

5. Thủ tục hải quan đối với gỗ nhập khẩu:

* Trường hợp không kiểm tra, xác minh:

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 10 giờ

- Quy trình:

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ		30 phút
B2	Xem xét, phân công	- Lãnh đạo Chi cục Hải quan	- Ý kiến phân công	

B3	Xem xét xử lý, thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hàng hoá	- Bộ phận chuyên môn của Chi cục Hải Quan	- Kiểm tra, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ. - Kiểm tra thực tế hàng hoá	6 giờ
		- Bộ phận chuyên môn của Chi cục Hải quan	- Ý kiến trình lãnh đạo Chi cục Hải quan	30 phút
B4	Xem xét, phê duyệt	- Lãnh đạo Chi cục Hải quan	- Chi cục Hải quan thông quan	30 phút
B5	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ	- Hồ sơ, thông báo kết quả thông quan	30 phút
Tổng thời gian				8 giờ

*** Trường hợp kiểm tra, xác minh:**

- Thời gian giải quyết: 1,5 ngày

- Quy trình:

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ		1/8 ngày
B2	Xem xét, phân công	- Lãnh đạo Chi cục Hải quan	- Ý kiến phân công	1/8 ngày
B3	Xem xét xử lý, thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hàng hoá	- Bộ phận chuyên môn của Chi cục Hải Quan	- Kiểm tra, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ. - Kiểm tra thực tế hàng hoá	0,75 ngày

		- Bộ phận chuyên môn của Chi cục Hải quan	- Ý kiến trình lãnh đạo Chi cục Hải quan	1/8 ngày
B4	Xem xét, phê duyệt	- Lãnh đạo Chi cục Hải quan	- Chi cục Hải quan thông quan	1/8 ngày
B5	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ	- Hồ sơ, thông báo kết quả thông quan	1/8 ngày
Tổng thời gian				1,5 ngày

6. Tên TTHC: Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 3,5 ngày.

- Quy trình:

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp công dân Hạt Kiểm lâm huyện	Hồ sơ văn bản đề nghị xác nhận hợp lệ	1/4 ngày
B2	Xem xét, phân công	Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm huyện	Ý kiến phân công	1/2 ngày
B3	Tiếp nhận và xử lý hồ sơ	- Bộ phận chuyên môn của Hạt Kiểm lâm huyện	Kiểm tra thực tế hiện trường và có Biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, thiệt hại rừng trồng	2,5 ngày
B4	Trả kết quả	Bộ phận tiếp công dân Hạt Kiểm lâm huyện	Biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, thiệt hại rừng trồng	1/4 ngày
Tổng thời gian				3,5 ngày

7. Tên TTHC: Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 16 ngày

- Trình tự thực hiện:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ cấp huyện	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Xem xét phân công	Lãnh đạo UBND huyện	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B3	Phân công thụ lý	Lãnh đạo phòng chức năng	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B4	Xác minh hồ sơ	Lãnh đạo và chuyên viên phòng chức năng phối hợp với các cơ quan có liên quan	Biên bản xác minh điều kiện hỗ trợ lãi xuất tín dụng	12 ngày
B5	Chuyển liên thông lên UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ cấp huyện	Đính kèm HS liên thông (scan)	1/4 ngày
B6	Xem xét và phê duyệt hỗ trợ lãi xuất tín dụng	UBND tỉnh	Quyết định phê duyệt	2,75 ngày
B7	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm kết quả (<i>scan QĐ phê duyệt</i>)	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				16 ngày

8. Tên TTHC: Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 16 ngày
- Trình tự thực hiện:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TK cấp huyện	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Xem xét phân công	UBND cấp huyện	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B3	Phòng Nông nghiệp của huyện	Lãnh đạo Phòng Nông nghiệp	Ý kiến phân công	1/4 ngày
		Chuyên viên Phòng	Kiểm tra, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ	01 ngày
		Chuyên viên Phòng	Lấy ý kiến về phương án	01 ngày
		Chuyên viên Phòng	Ý kiến trình Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm	10 ngày
B4	Xem xét, trình UBND cấp huyện	Lãnh đạo Phòng Nông nghiệp	Ý kiến trình phê duyệt	1/2 ngày
B5	Chuyển lãnh đạo UBND cấp huyện	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Ý kiến phê duyệt đối với phương án	02 ngày
B6	Bàn giao hồ sơ	Phòng Nông nghiệp	Kết quả	1/2 ngày

B7	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Đính kèm kết quả	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				16 ngày

9. Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện

*** Trường hợp không phải xác minh:**

- Thời gian thực tế giải quyết: 6 ngày làm việc
- Quy trình:

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ cho phòng chuyên môn	Bộ phận TN&TKQ UBND cấp huyện	Kèm theo scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Xem xét, phân công	- Lãnh đạo UBND cấp huyện	- Ý kiến phân công	1/2 ngày
B3	Hạt Kiểm lâm cấp huyện tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ	- Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm	- Ý kiến phân công	1/2 ngày
		- Bộ phận chuyên môn của Hạt Kiểm lâm huyện	- Kiểm tra, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ.	2 ngày
		- Bộ phận chuyên môn của Hạt Kiểm lâm huyện	- Ý kiến trình lãnh đạo Hạt Kiểm lâm cấp huyện.	1/2 ngày
B4	Xem xét, trình UBND cấp huyện	- Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm	- Ý kiến trình phê duyệt	1/2 ngày

B5	Chuyển lãnh đạo UBND cấp huyện	- Lãnh đạo UBND cấp huyện	- Ý kiến phê duyệt đối với Phương án	1/2 ngày
B6	Bàn giao hồ sơ	- Hạt Kiểm lâm cấp huyện		1/2 ngày
B7	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ UBND cấp huyện	Đính kèm kết quả	1/2 ngày
Tổng thời gian				06 ngày

*** Trường hợp phải xác minh:**

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 7,5 ngày làm việc

- Quy trình:

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ cho phòng chuyên môn	Bộ phận TN&TKQ UBND cấp huyện	Kèm theo scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Xem xét, phân công	- UBND cấp huyện	Ý kiến phân công	1/2 ngày
B3	Hạt Kiểm lâm cấp huyện tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ	- Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm	- Ý kiến phân công	1/2 ngày
		- Bộ phận chuyên môn của Hạt Kiểm lâm huyện	- Kiểm tra, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ.	2 ngày
		- Bộ phận chuyên môn của Hạt Kiểm lâm huyện	- Kiểm tra, xác minh tại cơ sở	1,5 ngày
		- Bộ phận chuyên môn của Hạt Kiểm lâm huyện	- Ý kiến trình lãnh đạo Hạt Kiểm lâm	1/2 ngày

B4	Xem xét, trình UBND cấp huyện	- Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm	- Ý kiến trình phê duyệt	1/2 ngày
B5	Chuyển lãnh đạo UBND cấp huyện	- Lãnh đạo UBND cấp huyện	- Ý kiến phê duyệt đối với Phương án	1/2 ngày
B6	Bàn giao hồ sơ	- Hạt Kiểm lâm		1/2 ngày
B7	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ UBND cấp huyện	Đính kèm kết quả	1/2 ngày
Tổng thời gian				7,5 ngày

10. Tên TTHC: Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh do chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư

5.1. Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 12 ngày

- Trình tự thực hiện:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Phòng chức năng cấp huyện hoặc cơ quan Kiểm lâm cấp huyện	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Xem xét phân công thụ lý	Lãnh đạo Phòng chức năng cấp huyện hoặc cơ quan Kiểm lâm cấp huyện	Ý kiến phân công	1/4 ngày

B3	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên Phòng chức năng cấp huyện /Kiểm lâm viên cơ quan Kiểm lâm cấp huyện	Dự thảo Văn bản (<i>Báo cáo thẩm định</i>)	10,5 ngày
B4	Xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo Phòng chức năng cấp huyện hoặc cơ quan Kiểm lâm cấp huyện	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B5	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Phòng chức năng cấp huyện hoặc cơ quan Kiểm lâm cấp huyện	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B6	Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa tại TTPVHCC	Chuyên viên Phòng chức năng cấp huyện /Kiểm lâm viên cơ quan Kiểm lâm cấp huyện	Văn bản phát hành (<i>Báo cáo thẩm định</i>)	1/4 ngày
B7	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Phòng chức năng cấp huyện hoặc cơ quan Kiểm lâm cấp huyện	Đính kèm kết quả (<i>scan Báo cáo thẩm định</i>)	0 ngày
Tổng thời gian thực hiện				12 ngày

C. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CẤP XÃ : 01 TTHC

1. Tên thủ tục: Quyết định giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư

- Thời gian giải quyết: 37 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ UBND xã	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Chuyển hồ sơ lên UBND cấp huyện	Lãnh đạo UBND huyện	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B3	Phân công thụ lý	Cơ quan chuyên môn cấp huyện	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B4	Xin ý kiến thẩm định bằng văn bản của các ngành, địa phương có liên quan	Chuyên viên/phòng Nông nghiệp và MT hoặc Hạt Kiểm lâm	Văn bản xin ý kiến thẩm định	1/4 ngày
B5	Ý kiến thẩm định của các sở, ngành, địa phương có liên quan	Các ban, ngành, địa phương có liên quan	Ý kiến thẩm định bằng văn bản của các ban, ngành, địa phương có liên quan	12 ngày
B6	Hoàn thành thẩm định hồ sơ	Chuyên viên/phòng Nông nghiệp và MT hoặc Hạt Kiểm lâm	Dự thảo Văn bản (Báo cáo thẩm định)	12 ngày
B6	Lập tờ trình trình UBND huyện	Chuyên viên/phòng Nông nghiệp và MT hoặc Hạt Kiểm lâm	Dự thảo Văn bản (<i>Tờ trình, Dự thảo Quyết định</i>)	2 ngày

B7	Xét duyệt	Lãnh đạo UBND huyện	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B8	Xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo UBND huyện	Ý kiến xét duyệt	1/2 ngày
B9	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo UBND huyện	Ý kiến phê duyệt	1/4 ngày
B10	Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa tại TTPVHCC	Chuyên viên/phòng Nông nghiệp và MT hoặc Hạt Kiểm lâm	Văn bản phát hành (<i>Tờ trình, Dự thảo QĐ</i>)	1/4 ngày
B11	Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND huyện	Bộ phận TN&TKQ xã	Đính kèm HS liên thông (scan)	1/4 ngày
	Liên thông UBND huyện			8 ngày
B13	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ xã	Đính kèm kết quả (<i>scan QĐ phê duyệt</i>)	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				37 ngày